

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/DS-ST
Ngày: 27-11-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc
2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (SCB)

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 03011003908, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 26/01/2018)

Đại diện theo ủy quyền: Lưu Văn H – Giám đốc chi nhánh An Giang (theo giấy ủy quyền số 4050/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018)

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Võ Thanh T, sinh năm 1985 (theo giấy ủy quyền ngày 16/12/2019) Địa chỉ: Ấp L 2, xã K, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Trần Hoàng Quỳnh G, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2016, bà Trần Hoàng Quỳnh G có ký kết với ngân hàng thương mại cổ phần S (SCB) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà G, SCB đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân. Kể từ ngày kích hoạt thẻ là ngày 11/7/2016, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà G đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 31/5/2018, SCB đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. SCB đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà G không có thiện chí trả nợ. Do đó, SCB yêu cầu bà Trần Hoàng Quỳnh G có trách nhiệm trả số tiền nợ còn thiếu là 38.203.209đ (ba mươi tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng), trong đó vốn gốc là 17.862.401đ (mười bảy triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 27/11/2020 là 20.340.808đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn tám trăm lẻ tám đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày xét xử đến khi bà G thanh toán xong số tiền nợ theo thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của SCB.

* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Hoàng Quỳnh G, nhưng bà G vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đến nhà để ghi lời khai nhưng bà G vắng mặt tại nhà nên không ghi được ý kiến của bà G.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà G có trách nhiệm trả cho SCB số tiền nợ còn thiếu là 38.203.209đ (ba mươi tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng), trong đó vốn gốc là 17.862.401đ (mười bảy triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 27/11/2020 là 20.340.808đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn tám trăm lẻ tám đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày xét xử đến khi bà G thanh toán xong số tiền nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 22/9/2020, Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định bà Trần Hoàng Quỳnh G đã chuyển hộ khẩu đến khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ ngày 13/8/2020. Sau khi xác minh hộ khẩu, Tòa án có thông báo cho bà G bằng đường bưu điện đến địa chỉ khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ nhưng không phát được do địa chỉ thiếu số, không tìm được người nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy, vào thời điểm SCB khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là ngày 16/12/2019, bà G vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà G tại nơi bà G đăng ký hộ khẩu thường trú. Ngày 13/8/2020, bà G đến Công an xã V yêu cầu chuyển hộ khẩu thường trú nhưng không thông báo cho SCB địa chỉ cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của bà G và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho bà G tại địa chỉ bà G cung cấp khi ký kết hợp đồng với SCB là ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.3] Sự có mặt của các đương sự: Đối với bị đơn được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/7/2016 được ký kết giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và Trần Hoàng Quỳnh G, bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ, xác định được: SCB đồng ý mở thẻ tín dụng cho bà G sử dụng với hạn mức 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2.15% và lãi suất trễ hạn là 150% lãi suất trong hạn, đồng thời có thỏa thuận lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Trong quá trình sử dụng, bà G đã không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ. Đến ngày 31/5/2018, SCB đã ngừng cung cấp dịch vụ và chuyển toàn bộ dư nợ của bà G sang nợ quá hạn.

Theo thỏa thuận trong bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ thì bà G có trách nhiệm trả lãi và gốc theo đúng thời hạn đã cam kết, nhưng bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng, do đó SCB đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 280, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp

nhận, buộc bà G có trách nhiệm trả cho SCB số tiền nợ còn thiếu là 38.203.209đ (ba mươi tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng), trong đó vốn gốc là 17.862.401đ (mười bảy triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 27/11/2020 là 20.340.808đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

[3] *Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng*: Căn cứ với quy định của pháp luật tại Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do bị đơn bà Trần Hoàng Quỳnh G có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 38.203.209đ (ba mươi tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng) nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $38.203.209đ \times 5\% = 955.000đ$ (Chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S (SCB).

2. Buộc bà Trần Hoàng Quỳnh G phải trả một lần cho ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 38.203.209đ (ba mươi tám triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng), trong đó vốn gốc là 17.862.401đ (mười bảy triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 27/11/2020 là 20.340.808đ (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

3. Kể từ ngày 28/11/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

- Hoàn trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006736 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bị đơn bà Trần Hoàng Quỳnh G phải chịu số tiền 955.000đ (Chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao

